



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn

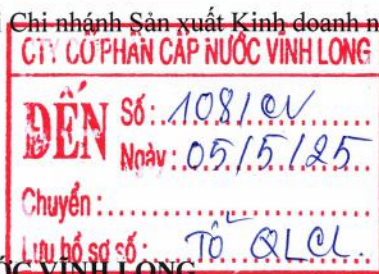


Số: 040804/TP/040804/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 05/05/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước uống đóng chai Việt Úc (Tại Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 05 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 08/04/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 12/04/2025 đến 19/04/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG**
Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc số 040804TP
- Lấy mẫu theo: TCVN 6663-5:2009 và TCVN 6663-3:2016
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h30 - 09h40 ngày 08/04/2025 tại Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc - Số 54 Nguyễn Huệ, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.



9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	(*) Mức giới hạn
1	Hàm lượng nitrit (NO_2^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH (MDL = 0,02)	3
2	Hàm lượng nitrat (NO_3^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,1	50
3	Hàm lượng tổng Clo (Cl_2)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,02)	5
4	Hàm lượng florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH (MDL = 0,03)	1,5
5	Hàm lượng cyanua tổng (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL = 0,005)	0,07
6	Hàm lượng bo (B)	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02(**)	0,5
7	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)	0,7
8	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)	0,4

Ghi chú: - Mẫu do PTN hợp đồng phụ thử nghiệm; - (***) kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - (**) là giới hạn định lượng của phương pháp thử - (A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ 2, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào; - (*) theo QCVN 6-1:2010/BYT; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc



1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 040804/TP/040804/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 05/05/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	(*) Mức giới hạn
9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)	2
10	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)	0,003
11	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,07
12	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,01
13	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,05
14	Hàm lượng selen (Se)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,01
15	Hàm lượng molybden (Mo)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,07
16	Hàm lượng antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)	0,02
17	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,006
18	Hàm lượng asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)	0,01
19	Hàm lượng bromate (BrO_3^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH (MDL = 0,004)	0,01
20	Hàm lượng clorate (ClO_3^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,7
21	Hàm lượng clorit (ClO_2^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,7
22	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,5
23	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH (MDL = 0,2)	1
24	Coliform tổng số	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1 ^(***)	(A)
25	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1 ^(***)	(B)
26	Streptococci feocal (Enterococci)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	< 1 ^(***)	(A)
27	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(***)	(A)
28	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(***)	(A)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.